

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRÌ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2024/HS-ST
Ngày 01-02-2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Anh Dũng.

Ông Nguyễn Anh Đức.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Phương Minh - Thư ký Tòa án của Tòa án huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:** Bà Mai Thị Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 02/2024/TLST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 01 năm 2024 đối với:

Bị cáo: D.T.T.T, sinh năm 19.. tại thành phố Hà Nội. Nơi thường trú: Tập thể C, tổ .., phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội; nơi ở: Số .., ngách .../..., phố Đ, phường V, quận H, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông D.V.S và bà D.T.N; gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ nhất; có chồng là N.N.A (ly hôn) và 03 con (lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2015); tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; danh chỉ bản số 595, lập ngày 26/10/2023 tại Công an huyện Thanh Trì. *Có mặt tại phiên tòa.*

Bị hại:

- Chị L.T.H1, sinh năm 19... Nơi thường trú: Xã N, huyện T, thành phố Hà Nội. *Vắng mặt tại phiên tòa.*

- Anh N.K.H2, sinh năm 19... Nơi thường trú: Xã Đ, huyện T, thành phố Hà Nội. *Vắng mặt tại phiên tòa.*

- Chị P.T.T1, sinh năm 19... Nơi thường trú: Xã H, huyện C, thành phố Hà Nội. *Vắng mặt tại phiên tòa.*

- Chị P.T.L, sinh năm 19... Nơi thường trú: Xã H, huyện C, thành phố Hà Nội. *Vắng mặt tại phiên tòa.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do thiếu tiền tiêu sài cá nhân, nên D.T.T.T nảy sinh ý định đi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các tiểu thương kinh doanh tại các khu chợ trên địa bàn huyện T và quận H, thành phố Hà Nội, bằng hình thức giả vờ mua hàng với số lượng nhỏ, sau đó nói dối với người bán hàng đưa thêm tiền mặt cho T và T sẽ chuyển khoản trả cho họ (gồm cả tiền mua hàng và tiền nhờ đưa thêm). Khi chuyển tiền, T sẽ bỏ bớt 3 số 0 để tạo niềm tin cho bị hại thấy tin nhắn thông báo về điện thoại đúng là nhận được chuyển khoản về tài khoản ngân hàng và thấy có những số đầu giống số tiền cần chuyển, nghĩ là T đã chuyển khoản. Nếu bị phát hiện, T sẽ nói là T chuyển nhầm. Cụ thể:

Lần 1: Ngày 31/12/2022, tại chợ Đ, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội, T vào cửa hàng bán thịt gà của chị P.T.L (sinh năm 19.., nơi thường trú: Xã H, huyện C, thành phố Hà Nội) hỏi mua gà và trứng gà với giá 800.000 đồng. T nói với chị L là cần dùng tiền mặt đi chợ cho tiện và nhờ chị L đưa cho T 1.200.000 đồng, T sẽ chuyển khoản 2.000.000 đồng, gồm cả tiền thịt gà và trứng gà. Chị L đồng ý, đưa cho T 1.200.000 đồng và số tài khoản 6069195xxxx mang tên P.T.L tại Ngân hàng TMCP Quân đội. Sau khi nhận được 1.200.000 đồng, T dùng internet banking vào tài khoản số 10887758zzzz của T tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chuyển 2.000 đồng vào tài khoản trên của chị L và nói T đã chuyển khoản đủ rồi, mục đích để chị L tin tưởng là T đã chuyển khoản trả tiền. Sau đó, T nói để thịt gà và trứng ở đây, T đi chợ mua đồ khác, sẽ quay lại lấy sau, rồi điều khiển xe máy của T rời đi. T chiếm đoạt được 1.198.000 đồng của chị L.

Lần 2: Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 17/3/2023, T đến chợ tạm Z..., xã TH2, huyện T, thành phố Hà Nội hỏi mua hoa quả của chị L.T.H1 (sinh năm 19.., nơi thường trú: Xã N, huyện T, thành phố Hà Nội) với giá 500.000 đồng. T nói với chị H1 là cần tiền mặt để đi chợ cho tiện và nhờ chị H1 đưa thêm cho T 1.000.000 đồng, T sẽ chuyển khoản cho chị H1 1.500.000 đồng, bao gồm cả 500.000 đồng tiền mua hoa quả. Chị H1 tin tưởng, đồng ý đưa cho T 1.000.000 đồng. T dùng điện thoại vào internet banking chuyển số tiền 1.500 đồng từ tài khoản số 103302yyyy của T tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam đến tài khoản số 180010531cccc mang tên N.X.T2 (chồng chị H1) tại Ngân hàng TMCP Quân đội

và nói đã chuyển khoản đủ rồi, mục đích cho anh T2 tin tưởng là T đã chuyển trả tiền. Sau đó, T nói để lại hoa quả, đi chợ mua đồ khác sẽ quay lại lấy sau và điều khiển xe máy của T rời đi. T chiếm đoạt được số tiền 998.500 đồng của chị H1.

Lần 3: Cùng ngày 17/3/2023, sau khi chiếm đoạt được tiền từ chị H, T sử dụng thủ đoạn tương tự hỏi mua 3 con gà của chị P.T.T1 (sinh năm 19..., nơi thường trú: Xã H, huyện C, thành phố Hà Nội) với giá 800.000 đồng. T nói cần tiền mặt để đi chợ cho tiện và nhờ chị T1 đưa thêm cho T 2.000.000 đồng. T sẽ chuyển khoản cho chị T1 2.800.000 đồng, bao gồm cả 800.000 đồng tiền mua gà. Chị T1 đồng ý, đưa cho T 2.000.000 đồng và số tài khoản 10780130eeee mang tên P.T.T tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. T dùng điện thoại vào internet banking chuyển số tiền 2.800 đồng từ tài khoản số 103302yyyy của T tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào tài khoản của chị T1 và nói đã chuyển khoản đủ rồi, mục đích cho chị T1 tin tưởng là T đã chuyển trả tiền. Sau đó, T bảo chị T1 để gà ở đấy, T đi chợ mua đồ khác sẽ quay lại lấy và lái xe máy của T rời đi. T chiếm đoạt được số tiền 1.997.200 đồng của chị T1.

Lần 4: Ngày 27/4/2023, T đến chợ xã TH1, huyện T, thành phố Hà Nội, vào cửa hàng thịt lợn của anh N.K.H2 (sinh năm 19..., nơi thường trú: Xã Đ, huyện T, thành phố Hà Nội) hỏi mua 5 kg thịt lợn với giá 500.000 đồng. T nói cần dùng tiền mặt để đi chợ cho tiện và nhờ anh H2 đưa thêm 1.000.000 đồng, T sẽ chuyển khoản 1.500.000 đồng, bao gồm cả 500.000 đồng tiền mua thịt. Anh H2 đồng ý, đưa cho T 1.000.000 đồng và đọc số tài khoản 119780vvvv mang tên N.K.H2 tại Ngân hàng TMCP Quân đội. T dùng internet banking trên điện thoại chuyển số tiền 1.500 đồng từ tài khoản số 103302yyyy của T tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào tài khoản của anh H2, mục đích cho anh H2 tin tưởng là T đã chuyển tiền trả rồi. Sau đó, T nói đã chuyển chuyển khoản đủ, cứ để thịt lợn ở đấy, T đi chợ mua đồ khác, sẽ quay lại lấy và lên mô tô của T tẩu thoát. T chiếm đoạt được 998.500 đồng của anh Hiền.

Ngày 25/7/2023, T đi xe máy nhãn hiệu Piago Liberty màu trắng, biển kiểm soát 29B1-ttttt đến chợ tạm thuộc tập thể Z, xã TH2, huyện T, thành phố Hà Nội để tiếp tục thực hiện hành vi lừa đảo. Khi vừa đến chợ, T bị các tiểu thương phát hiện, bắt giữ và báo Công an xã T đưa về trụ sở để làm rõ.

Tổng số tiền T lừa đảo chiếm đoạt trong 4 lần nêu trên là 5.192.200 đồng, T khai đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Thanh Trì đã tạm giữ của T: 01 xe máy nhãn hiệu Piago Liberty màu trắng, biển kiểm soát 29B1-ttttt; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, Imei1: 3539701037nnnn, Imei2: 35397010383mmmm.

Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Thanh Trì đã thu thập sao kê các tài khoản ngân hàng gồm:

- Tài khoản 6069195xxxx Ngân hàng TMCP Quân đội, chủ tài khoản P.T.L đã nhận số tiền 2.000 đồng từ tài khoản số 10887758zzzz Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam của T.

- Tài khoản số 180010531cccc Ngân hàng TMCP Quân đội, chủ tài khoản N.X.T2 đã nhận số tiền 1.500 đồng từ tài khoản số 103302yyyy Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam của T.

- Tài khoản 10780130eeee Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, chủ tài khoản P.T.T1 đã nhận số tiền 2.800 đồng từ tài khoản số 103302yyyy Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam của T.

- Tài khoản 119780vvvv Ngân hàng TMCP Quân đội, chủ tài khoản N.K.H2 đã nhận số tiền 1.500 đồng từ tài khoản số 103302yyyy Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam của T.

Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Thanh Trì đã xác minh tại Công an phường Đ và Công an quận H được biết không tiếp nhận giải quyết và xử lý vụ việc nào có nội dung nêu trên liên quan đến D.T.T.T. Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an quận H đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Thanh Trì tiếp tục xử lý vụ việc.

Ngày 27/3/2023, Ủy ban nhân dân xã TH1 và Ủy ban nhân dân xã TH2, huyện Thanh Trì có văn bản đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Thanh Trì xử lý đối tượng lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các tiểu thương theo quy định của pháp luật vì đã gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, uy tín của địa phương, cũng như tâm lý của các tiểu thương và nhân dân trong khu vực.

Quá trình điều tra, T khai nhận thực hiện các hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nêu trên. Lời khai của T phù hợp với lời khai của các bị hại, tài liệu thu giữ và các tài liệu, chứng cứ do Cơ quan điều tra thu thập được.

Đối với xe máy nhãn hiệu Piago Liberty màu trắng, biển kiểm soát 29B1-ttttt mà T sử dụng để đi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là tài sản của T. T khai mua ở một cửa hàng mua bán xe cũ, không nhớ địa chỉ. Xác minh chủ đứng tên đăng ký xe là chị N.H.L1 (sinh năm 19..., trú tại: Số ..., phố H, phường N, quận B, thành phố Hà Nội) cho biết đã bán chiếc xe máy trên vào năm 2013, do thời gian đã lâu, không nhớ bán cho ai. Tra cứu xe máy vật chứng tại Phòng Cảnh sát hình sự, Công an thành phố Hà Nội không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng. Kết quả giám định số khung, số máy nguyên thủy. Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu xanh mà T sử dụng để đi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là tài sản của T.

Về dân sự: T đã tự nguyện bồi thường số tiền chiếm đoạt cho các bị hại là chị L.T.H1, chị P.T.T1, chị P.T.L, anh N.K.H2. Các bị hại đã nhận lại tiền, không có yêu cầu về dân sự và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho T.

Tại Cáo trạng số 02/CT-VKS-TT ngày 05/01/2024, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì truy tố D.T.T.T về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm c khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo T khai đã thực hiện hành vi như Cáo trạng truy tố, xin được giảm nhẹ hình phạt. Các bị hại là chị H1, chị T1, chị L, anh H2 đã được triệu tập hợp lệ, vắng mặt không có lý do, đã có lời khai tại Cơ quan điều tra, nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì tham gia phiên tòa sau khi phân tích nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, đã giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 174, Điều 38, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo D.T.T.T mức án tù 12 tháng đến 14 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 24 tháng đến 28 tháng, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 11 màu xanh; trả lại cho bị cáo 01 xe máy nhãn hiệu Piago Liberty màu trắng, biển kiểm soát 29B1-tttt. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường số tiền chiếm đoạt, bị hại không yêu cầu gì, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Trì, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về thẩm quyền, trình tự, thủ tục. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, do đó các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai của bị cáo D.T.T.T tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: D.T.T.T bằng thủ đoạn gian dối giả vờ mua hàng với số lượng nhỏ, bảo người bán hàng đưa thêm tiền mặt để bị cáo chuyển khoản trả họ (gồm tiền mua hàng và tiền của người bán

hàng đưa thêm), nhưng khi chuyển khoản, bị cáo bỏ bớt 3 số 0 để tạo niềm tin cho bị hại thấy tin nhắn về điện thoại nghĩ là bị cáo đã chuyển khoản đủ, qua đó bị cáo chiếm đoạt số tiền chênh lệch của các bị hại. Cụ thể, ngày 31/12/2022, tại chợ Đ, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội, bị cáo chiếm đoạt số tiền 1.198.000 đồng của chị P.T.L. Ngày 17/3/2023, tại chợ tạm Z, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội, bị cáo chiếm đoạt số tiền 998.500 đồng của chị L.T.H1 và chiếm đoạt số tiền 1.997.200 đồng của chị P.T.T1. Ngày 27/4/2023, tại chợ xã T, huyện T, thành phố Hà Nội, bị cáo chiếm đoạt số tiền 998.500 đồng của anh N.K.H2. Tuy số tiền mỗi lần bị cáo chiếm đoạt dưới 2.000.000 đồng, nhưng bị cáo thực hiện liên tục nhiều lần, tổng số tiền chiếm đoạt là 5.192.200 đồng, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do đó, hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định tại điểm c khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì truy tố và kết luận về hành vi phạm tội của bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho các bị hại, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về quyết định hình phạt: Khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự quy định người phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản “bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”. Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, cần xử phạt bị cáo 07 tháng tù. Xét bị cáo có nhân thân tốt, có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, nên không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù. Căn cứ vào Điều 65 của Bộ luật Hình sự, Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018, Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án cho bị cáo hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách 14 tháng kể từ ngày tuyên án.

[6] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 174 của Bộ luật Hình sự quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000

đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”. Tuy nhiên, do bị cáo không có nghề nghiệp, tài sản, nên Tòa án không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã nhận lại số tiền bị chiếm đoạt, không yêu cầu bồi thường thiệt hại, nên Tòa án không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu xanh là tài sản của T, sử dụng làm công cụ thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nên tịch thu sung ngân sách nhà nước. Đối với 01 xe máy nhãn hiệu Piago Liberty màu trắng, biển kiểm soát 29B1-ttttt, số khung, số máy nguyên thủy, không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng. Chủ đứng tên đăng ký xe là chị N.H.L1 khai đã bán xe từ năm 2013. T khai mua xe năm 2020 ở một cửa hàng mua bán xe cũ, không nhớ địa chỉ và sử dụng làm phương tiện di chuyển từ đó đến nay. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã đăng báo tìm chủ sở hữu, nhưng không có người đến nhận. Xét xe máy trên không phải là phương tiện T sử dụng để phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nên trả lại cho T.

[9] Về án phí, quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo D.T.T.T phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.
2. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 174, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xử phạt D.T.T.T **07 (Bảy)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách là **14 (Mười bốn)** tháng kể từ ngày tuyên án (01/02/2024).

Giao bị cáo D.T.T.T cho Ủy ban nhân dân phường V, quận H, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo D.T.T.T thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo D.T.T.T cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Chị L.T.H1, anh N.K.H2, chị P.T.T1, chị P.T.L đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường thiệt hại, nên không xem xét.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu xanh, đã qua sử dụng, Imei1: 3539701037nnnn, Imei2: 35397010383mmmm.

- Trả lại bị cáo D.T.T.T 01 (Một) xe máy nhãn hiệu Piago Liberty màu trắng, biển kiểm soát: 29B1-ttttt, số khung: RP8M73200BV00....., số máy: M732M400....

Vật chứng đang được bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội theo Biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 15/01/2024.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo D.T.T.T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo D.T.T.T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại;
- VKSND Tp. Hà Nội;
- VKSND huyện Thanh Trì;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Thanh Trì;
- Chi cục THADS huyện Thanh Trì;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Hữu Nam